

KHÁI QUÁT NHỮNG ẢNH HƯỞNG KINH TẾ CỦA LUẬT CHỐNG ĐỘC QUYỀN VÀ CÁC CHÍNH SÁCH PHI TẬP TRUNG KHÁC Ở NHẬT BẢN SAU CHIẾN TRANH

1. Lời giới thiệu

Những ảnh hưởng đối với nền kinh tế tập Nhật Bản đã đưa ra một loạt chính sách cải cách sau chiến tranh, đặc biệt là các “chính sách phi tập trung”, trong bối cảnh nước Nhật bị chiến đóng dưới sự kiểm soát của các cường quốc đồng minh. Cần nghiên cứu và đánh giá tính hiệu quả của chính sách phát triển và khả năng chuyển giao cho các nước của chúng. Trong chuyên đề này, tập trung vào hai nhóm chính sách phi tập trung hóa.

Thứ nhất, là “giải tán các Tập đoàn tài phiệt Zaihat” và nhiều can thiệp về chính sách có liên quan khác, giải tán các công ty cổ phần tham dự Zaibatsu, bán công khai các cổ phiếu của chúng và xoá bỏ các ban giám đốc đan chéo nhau, Luật loại bỏ sự tập chung qua mức sức mạnh kinh tế (Kado Keizairyoku Shuchu Haijo-ho, sau đây gọi là Luật tập trung quá mức), Luật thanh lọc kinh tế, và Luật tổ chức lại và tái thiết các xí nghiệp (Kiyō Saiden Seibi-ho) và Luật tổ chức lại và tái thiết các tổ chức tài chính (Kin'yu Kikan Saiken Seibi-ho).

Thứ hai, là Luật chống độc quyền (Dokusen Kishi-ho) năm 1947 và hiệu lực của luật này và các chính sách có liên quan. Quan điểm chung là các chính sách Giải tán Zaibatsu đã có ảnh hưởng to lớn, trong khi Luật chống độc quyền được áp dụng cốt để duy trì ảnh hưởng lâu dài của chúng. Tuy nhiên, dù cho đạo luật đó có một số điều khoản có tính chất này, thì đặc trưng cơ bản của nó vẫn hoàn toàn khác và cần phải được xem xét riêng rẽ¹.

Thế giới ngày một quan tâm hơn tới những cải cách sau chiến tranh của Nhật Bản, đặc biệt là các chính sách phi tập trung và các cải cách kinh tế khác, bởi sự thành công của công nghiệp Nhật Bản, nên nhiều người đã quan tâm tới điều làm nền tảng cho sự phát triển này, và đến việc Nhật Bản đạt được thành công đó như thế nào? Chính phủ có những vai trò gì? Có thể tìm thấy bất cứ bài học nào cho các nền kinh tế đang phát triển không? Vào những thời kỳ trước cũng có sự quan tâm rộng rãi đến các chính sách công nghiệp ở Nhật Bản, mà thường người ta cho rằng đó là một trong những động cơ chủ yếu để thành công trong công nghiệp. Tuy nhiên, ngày nay, quan điểm chuẩn là sự đóng góp nếu có, của chính sách công nghiệp, không lớn lắm. Thay

vào đó, nó chỉ đóng vai trò hỗ trợ, trong khi đó các động cơ và cơ chế chủ yếu vẫn là rất nhiều các công ty năng động và có sức cạnh tranh đang hoạt động trong các thị trường có tính cạnh tranh gay gắt. Xét từ khía cạnh này, sự quan tâm thường tập trung vào quan hệ giữa các cải cách kinh tế, và việc xuất hiện của các công ty năng động và các thị trường có tính cạnh tranh.

Thứ hai, ngoài những thành công trong công nghiệp hoá, hiện kinh tế Nhật Bản đã đạt được sự tăng trưởng liên tục với tốc độ chưa từng thấy trong lịch sử lúc đó, bắt đầu ngay sau thời kỳ 15 năm chiến tranh và chiếm đóng. Trong thời kỳ chiến tranh, việc sản xuất, mua bán, sử dụng nguyên vật liệu, giá cả và đầu tư đều nằm dưới sự kiểm soát của chính phủ. Nhiều công ty và các ngành, công nghiệp bị buộc phải sáp nhập và tổ chức lại theo một chính sách mà đôi khi vẫn được gọi là “Kế hoạch hoá” (Keikakuka) nền kinh tế. Cuối cùng, phần lớn công suất sản xuất đã bị phá huỷ vào thời kỳ sau chiến tranh, tính chất các kiểm soát của chính phủ đã thay đổi rất nhiều trong suốt thời kỳ quá độ chuyển từ nền kinh tế thời chiến sang nền kinh tế thời bình bình thường và sự tăng trưởng nhanh chóng chỉ bắt đầu sau một thời kỳ ngắn hỗn loạn, phục hồi và củng cố. Đó chính là thách thức của việc đi lên càng nhanh chóng và cùng trôi chảy càng tốt từ nền kinh tế chỉ huy “xã hội chủ nghĩa” sang nền kinh tế thị trường, và chính quá trình đó đã thúc đẩy dự án nghiên cứu này.

Các sử gia kinh tế và các nhà chính trị đã đặt trọng tâm nghiên cứu vào chính sách công nghiệp Nhật Bản đã có những thay đổi to lớn, nên việc xem xét những cải cách kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh cũng phải có những thay đổi tương tự. Từ đó có thể thấy rằng, có một xu hướng rõ ràng là muốn chấp nhận không hoài nghi những thực tế và những giải thích trong các hồi ký và những bằng chứng sau đó về việc những ai đã “có mặt tại chỗ” trong suốt quá trình cải cách. Ngày nay, chúng ta có rất sẵn các loại tư liệu khác nhau, và cũng có thể có những ý kiến thảo luận và định giá đúng mức và khoa học. Bởi vậy, vấn đề tiếp theo không phải là khảo sát những nghiên cứu trước đây, vì quan điểm của tôi khác cơ bản so với quan điểm chi phối hiện nay.

2. Đặc điểm của các vấn đề sẽ được thảo luận

Nhiệm vụ xác định và đánh giá tác động của chính sách chẳng mấy khi dễ dàng cả. Các chính sách phi tập trung hoá đã được thực hiện vào thời kỳ quá độ. Không chỉ có việc hồi phục từ sự tàn phá trong chiến tranh, mà đồng thời còn có cả các loại cải cách kinh tế cùng với những thay đổi về chính trị và văn hoá. Trong một thời kỳ thay

đòi lớn lao như thế, sẽ rất khó, thực vậy, hầu như khu không thể tưởng tượng nổi, xác định ảnh hưởng của một chính sách duy nhất.

Ngay cả khi chúng ta giới hạn sự chú ý của mình ở các khía cạnh kinh tế, thì cũng đã có nhiều sự kiện xảy ra trong giai đoạn này mà nhiệm vụ xác định vẫn không dễ dàng. Ví dụ, những kiểm soát đối với sản xuất, phân phối nguyên vật liệu, giá cả, đầu tư, việc làm và các quỹ tài chính đã dần dần được bãi bỏ. Cũng như vậy, công suất sản xuất và các nguồn lực con người dành cho chiến tranh và cho sản xuất phục vụ chiến tranh đã được giải phóng và có thể được sử dụng để đi vào các thị trường mới. Những cải cách kinh tế khác như Cải cách việc chiếm hữu ruộng đất và Cải cách các quan hệ lao động (sau đây gọi là Cải cách ruộng đất và Cải cách lao động) đã được thi hành.

Nhiệm vụ xác định có thể thực hiện được bằng việc tìm ra những chênh lệch giữa tình trạng thực tế của công việc và tình trạng giả thiết mà không có những hành động chính sách. Khó khăn là ở chỗ làm thế nào để mô hình hóa được tình hình đó, tức là nền kinh tế Nhật Bản sẽ như thế nào vào năm 1955 nếu không có các chính sách phi tập trung hoá.

Một kịch bản dễ có thể hiểu được là kiểu Zaibatsu truyền thống không thể tồn tại được trong giai đoạn chuyển hoá nhanh chóng này, ngay cả khi không có các chính sách Phi tập trung hoá. Bởi vậy sẽ không thể thích hợp nếu kết luận rằng điều đó là do những chính sách này chỉ vì rất nhiều Zaibatsu không còn nữa. Nhiều người đã đưa ra những kết luận rất nhiều lô-gic như vậy. Thật vậy, tôi muốn bạn đọc phải thận trọng đối với 3 điểm sau. Thứ nhất, tôi sẽ giới hạn sự chú ý của mình vào việc xác định những ảnh hưởng của “chính sách”. Ngay cả như chúng ta có nhìn thấy sự biến mất của các Zaibatsu, những đổi thay trong cấu thành và đặc điểm của các ban giám đốc, thì những điều đó vẫn không thể hoàn toàn là do những hành động chính sách.

Sự ảnh hưởng của các chính sách Zaibatsu, Luật tập trung quá mức, sự thanh lọc kinh tế và việc áp dụng Luật chống độc quyền được tổng kết riêng rẽ ảnh hưởng của từng chính sách có thể không đánh giá được thích hợp trong toàn bộ chương trình cải cách sau chiến tranh của Nhật Bản. Việc Nhật Bản thực hiện một loạt cuộc cải cách đồng thời trong một thời kỳ quá độ như vậy có thể giữ một vai trò rất quan trọng. Ở đây cần quan tâm đến không khí tri thức và tình trạng căng thẳng xã hội là những biến số đang dần mất đi.

Thứ ba, sự thảo luận sau đây sẽ không cố gắng tìm kiếm trực tiếp các bài học giúp cho các nền kinh tế “kế hoạch hoá tập trung” trước đây khắc phục được những khó khăn trong giai đoạn quá độ của họ. Các chính sách của Nhật Bản đã không được thực thi với mục đích như vậy. Tôi sẽ không đưa những khía cạnh này vào các tiêu chuẩn đánh giá chính sách, nhưng tôi sẽ cố gắng đánh giá các chính sách này theo các mục tiêu đã tuyên bố của chúng.

Một khó khăn nữa trong việc xác định ảnh hưởng của một chính sách là chúng ta có thể tập trung sự chú ý của mình vào một phạm vi quá hẹp. Những tác nhân kinh tế thường phụ thuộc lẫn nhau, và ảnh hưởng của những thay đổi trong các biến số của chính sách xuất hiện ở nhiều lĩnh vực đến nỗi chúng ta không thể tính được hết mọi ảnh hưởng.

Thông thường, chúng ta phải chọn giới hạn phạm vi trước khi bắt đầu lựa chọn các biến số kinh tế mà việc đánh giá chính si của chúng ta sẽ dựa vào. Theo tôi, phần lớn các nghiên cứu trước đây về những cải cách kinh tế sau chiến tranh đều không chọn hoặc nói rõ các tiêu chuẩn đánh giá của mình. Bởi vậy, tôi sẽ vạch ra dưới đây những tiêu chuẩn chung đã được các nghiên cứu trước đây đã sử dụng, và sau đó sẽ đưa ra những tiêu chuẩn riêng của tôi. Trong khi tôi bắt đầu với các chính sách Phi tập trung hoá sau chiến tranh và trong đó có cả việc Giải tán các Zaibatsu) thì mọi chính sách có liên quan khác sẽ được đánh giá theo cùng một tiêu chuẩn.

Vào thời gian đầu Nhật Bản bị chiếm đóng, tướng MacArthur đã được chỉ thị rằng, theo chính sách của Mỹ, “ngài sẽ yêu cầu... đệ trình, để ngài chuẩn y những kế hoạch giải tán các tổ hợp công nghiệp và ngân hàng lớn của Nhật Bản, hoặc những biện pháp tập trung chủ yếu khác kiểm soát kinh doanh tư nhân”. Chúng ta có thể thấy quan điểm tiêu biểu làm cơ sở cho các chính sách giải tán Zaibatsu trong tuyên bố sau của Corwin D, Edwards, Trưởng phái đoàn quân sự quốc gia khảo sát về các tổ hợp của Nhật Bản, đã đệ trình báo cáo của mình cho hai bộ vào tháng 3 năm 1946².

“Một công ty lớn có lợi thế so với một địch thủ nhỏ hơn, bởi vì nó là đơn vị lớn. Tiền là quyền lực. Một công ty lớn có thể trả lương cao, chi phí nhiều hơn và mát mát cũng nhiều hơn một công ty nhỏ. Nó có thể quảng cáo mạnh hơn, nghiên cứu sâu rộng hơn, mua lại những phát minh của các công ty khác, bảo vệ các quyền lợi hợp pháp hoặc được cho là hợp pháp của mình một cách hoàn hảo hơn, nó có thể đặt giá cao hơn cho những nguyên vật liệu khan hiếm, chọn được vị trí tốt nhất và thu hút

được kỹ thuật viên và cán bộ điều hành tốt nhất. Nếu như tung nhiều tiền ra, nó có thể hấp thu được các khoản lỗ làm phá sản một địch thủ nhỏ”.

Chừng nào các mục tiêu của các chính sách Phi tập trung học còn thuộc dạng này, thì các tiêu chuẩn đánh giá chính sách cần phải có đủ các tiêu chí sau:

Thứ nhất, có bao nhiêu và có những loại Zaibatsu nào đã được liệt kê và phân tích, và có bao nhiêu Zaibatsu đã thực sự bị giải tán? Các quyết định giải thể này được thi hành như thế nào, và tiêu chuẩn phân biệt là gì?

Thứ hai, đâu là phạm vi cuối cùng của “sự giải thể” và điều đó đã thoả đáng chưa? Thí dụ, cơ cấu nắm giữ cổ phiếu đã thay đổi như thế nào? Ban quản trị chéo là như thế nào? Hệ thống chọn lựa giám đốc có thay đổi không? Cách và quá trình ra quyết định công ty có thay đổi không?

Thứ ba, như là một cách tiêu biểu và dễ dàng để kiểm tra mục ở trên, có nhiều báo cáo thống kê số lượng các viên quản trị bị thanh trừng, đặc biệt những người được Zaibatsu bổ nhiệm, và tính toán giá trị các cổ phần được xử lý thông qua Ủy ban phát mãi các công ty cổ phần tham dự (Holding Company Liquidation Commission) (Mochikaku Gaisha Seiri-jikai HCLC); Ủy ban buôn bán công bằng (Fair Trade Commission) (Kosei Torihiki-jinkai FTC) và các tổ chức khác.

Có thể dễ dàng nhận thấy, hầu như không thể rút ra được từ những nghiên cứu này thông tin có thể sử dụng để trả lời trực tiếp những câu hỏi như phạm vi và bản chất của mối quan hệ giữa các chính sách Phi tập trung với sự tăng trưởng kinh tế sau chiến tranh.

Ngoài ra, các chính sách Phi tập trung hoá, cùng với các cuộc cải cách Ruộng đất và Lao động, đã được thực hiện dưới những khẩu hiệu “Dân chủ hoá” (minshuka) và “Hiện đại hoá” (kindaika) hầu như không thể cưỡng lại được. Điều này có tác dụng ngăn cản hoặc ít ra cũng hạn chế những mưu toan muốn xét lại các chính sách này. Ngay cả những cố gắng để xác định ảnh hưởng của mỗi chính sách cũng không được khuyến khích và cũng không quá đáng khi nói rằng những cố gắng đó được xem như là những thách thức đối với những điều cấm kỵ. Chỉ gần đây mọi người bắt đầu quan tâm tới giai đoạn này, và các nhà nghiên cứu bắt đầu tìm kiếm những nhân tố có thể giải thích rõ về sự phát triển nhanh chóng của giai đoạn tiếp theo. Tuy nhiên, những cố gắng ban đầu để xác định và đánh giá một cách vô tư mối quan hệ giữa các

chính sách này và sự phát triển kinh tế đã dẫn chúng ta tới chỗ hoài nghi tính hiệu quả của chúng.

Ví dụ Masamura (1985) đã bắt đầu phần của mình về việc Giải tán Zaibatsu và Luật chống độc quyền bằng tuyên bố sau:

“Việc Giải tán Zaibatsu và chính sách Thủ tiêu tình trạng tập trung quá mức sức mạnh kinh tế đã có tác động mạnh tới hệ thống kinh tế của Nhật Bản sau chiến tranh”³. Có thể nhận thấy, khi giai đoạn chiếm đóng qua đi, một số công ty bị giải tán đã hợp nhất lại và các nhà quản lý của một số công ty Zaibatsu cũ đã thành lập các câu lạc bộ riêng của họ⁴. Những ngân hàng không bị giải thể và các công ty thương mại tổng hợp (sogo shosha) được phục hồi đã bắt đầu hoạt động như là những trung tâm của các tập đoàn công nghiệp (kigyo Shudan), trong đó có nhiều công ty ‘keiretsu’ dưới quyền.

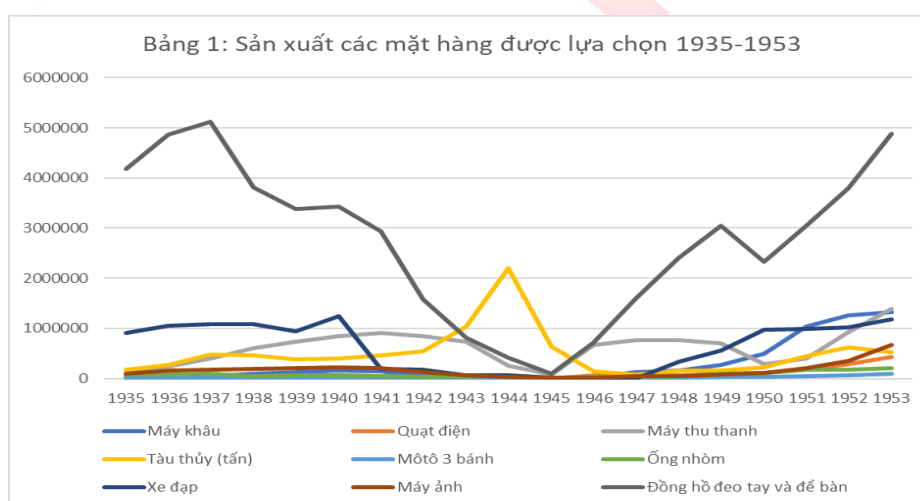
Tuy nhiên, các chính sách trong thời kỳ chiếm đóng như chính sách Giải tán Zaibatsu, Luật tập trung quá mức, Luật chống độc quyền và cuộc Thanh lọc kinh tế đã làm thay đổi đáng kể việc sử dụng công nghiệp của Nhật Bản cùng với tổ chức và đặc điểm của các công ty Nhật Bản. Những cuộc cải cách này đã phá bỏ tính độc quyền và đặc quyền của các công ty nắm quyền, và bởi vậy đã tạo cơ sở để phát triển tính cạnh tranh. Tất cả những điều này đều có tác dụng như là những kích thích cho sự tăng trưởng nhanh của nền kinh tế Nhật Bản. Hơn nữa, đổi lại, tốc độ tăng trưởng cao và sự thay đổi nhanh chóng trong cơ cấu công nghiệp tự chúng đã làm nảy sinh những trở ngại cho việc phục hồi và tăng cường tính chất độc quyền và đặc quyền trước đây.

Những điểm quan trọng cần phải làm rõ là những cơ sở kinh nghiệm cho việc tranh luận của Masamura về thực chất của tổ chức công nghiệp và thái độ của các tập đoàn. Những nhận định của ông dựa trên những cơ sở nào? Những khía cạnh nào của sự thay đổi mà ông ta cho là quan trọng. Những ảnh hưởng đó quan trọng như thế nào? Trong số một loạt các cải cách, thì những cải cách nào theo ông là quan trọng nhất? Chúng ta không thể tìm được câu trả lời thoả mãn cho những câu hỏi như vậy trong công trình nghiên cứu của Masamura.

3. Các tiêu chuẩn đánh giá

Không thể trả lời toàn bộ các câu hỏi này trong một bài viết ngắn được. Do vậy, trọng tâm chú ý của các phần sau cần thiết phải giới hạn vào một nhóm công nghiệp

cụ thể, máy móc công nghiệp và tiêu dùng. Tôi không dám cho rằng điều này sẽ đem lại được sự đánh giá toàn diện những ảnh hưởng của chính sách Phi tập trung hoá. Các ngành công nghiệp máy móc được chọn vì hai lý do sau. Thứ nhất, mặt dễ thấy nhất của thành công sau chiến tranh của Nhật Bản là ngành máy móc. Điều này là đúng nếu xét về việc tăng năng suất, tỷ trọng trong TSPQD và tầm quan trọng trong xuất khẩu. Bởi vậy, đương nhiên phải nghiên cứu các ngành công nghiệp này trước tiên nếu chúng ta cố gắng đánh giá tầm quan trọng của các chính sách Phi tập trung hoá. Trong ngành máy móc, đã có những diễn viên khác nhau lần lượt bước lên sân khấu, (a) bắt đầu là quạt máy, máy khâu, và ống nhôm, (b) sau đó là máy ảnh, máy thu thanh, ti vi đen trắng, và xe đạp, đồng hồ đeo tay và đế bàn, (c) hoặc xe mô tô và xe ba bánh, tàu thủy, (d) hoặc ô tô khách, các loại máy điện và máy công nghiệp khác nhau. Hơn nữa, vai trò của các diễn viên chính này được thay đổi nhanh chóng giữa các lớp kịch. (Phần lịch sử này có thể xem ở Bảng 1).

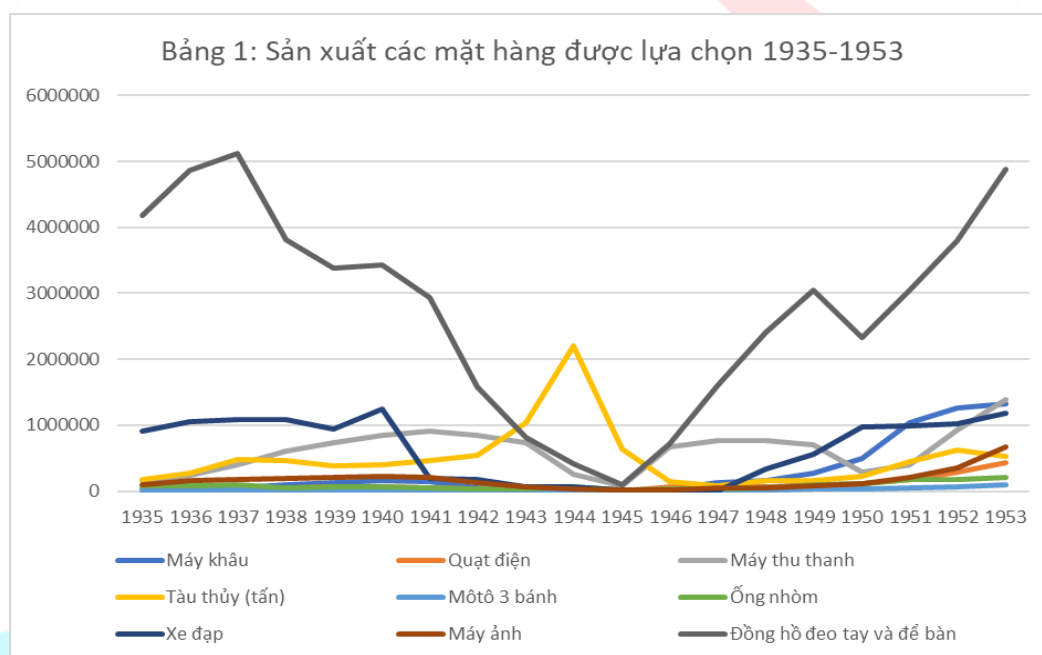


Nguồn: Tsusho Sangyo-sho (Bộ Công nghiệp và mậu dịch quốc tế) Kokogyo Seisan Shishu (Chỉ số sản xuất của các ngành chế tạo và khai mỏ), 1955.

Thứ hai, trong 25 năm đầu, từ kỷ nguyên của những cải cách cho đến khoảng năm 1970, Nhật Bản luôn trong tình trạng thiếu ngoại tệ. Điều này đã hạn chế nghiêm trọng phạm vi và quy định bản chất của các chính sách kinh tế, không chỉ về mặt các chính sách mậu dịch mà còn cả các chính sách tiền tệ và tài chính. Vì nhập khẩu, đặc biệt là các nguyên liệu và năng lượng, rất quan trọng đối với nền kinh tế Nhật Bản, nên vấn đề thiếu ngoại tệ và các chính sách kinh tế khắc phục chúng đã có ảnh hưởng sâu sắc tới các hoạt động của các công ty Nhật Bản. Với lý do này, nên các ngành công nghiệp xuất khẩu có một vị trí đặc biệt, và ngành máy móc là một diễn viên ngôi sao. Sẽ không quá phóng đại khi nói rằng, nếu xuất khẩu máy móc không gia tăng

lên, thì Nhật Bản sẽ không thể nhập khẩu được các nguyên liệu và năng lượng hết sức cần thiết cho việc tồn tại và phát triển kinh tế của mình.

Các chính sách Phi tập trung hoá có ảnh hưởng gì đến sự phát triển thành công và đến thành tích nổi bật của các ngành công nghiệp này? Cho phép tôi đưa ra kết luận của mình trước. Trong tất cả các ngành công nghiệp máy móc, cạnh tranh đều rất gay gắt. Một trong những mục tiêu chính của cái gọi là “chính sách công nghiệp” trong giai đoạn đầu là hạn chế hoặc giảm bớt cạnh tranh, mà các quan chức chính phủ rất thích gọi là cạnh tranh quá mức (Kato Kyoso). Như quan điểm chuẩn về tổ chức công nghiệp gợi ý (và điều này đã xảy ra trên thực tế), tình trạng cạnh tranh như thế là kết quả của tình hình cơ bản của các ngành công nghiệp này, với rất nhiều công ty và ít trở ngại cho việc tham gia mới. Chúng ta không thể tìm được bất kỳ một mối liên hệ trực tiếp nào giữa các chính sách Phi tập trung hoá và môi trường tạo thuận lợi cho sự cạnh tranh trong các ngành công nghiệp này, dù với rất ít ngoại lệ. Bởi vậy, nếu chúng tôi muốn giải thích được về những thành công trong công nghiệp của Nhật Bản, thì chúng tôi phải tìm kiếm các nhân tố khác.



Nguồn: Tsusho Sangyo-sho (Bộ Công nghiệp và mậu dịch quốc tế) Kokogyo Seisan Shishu (Chỉ số sản xuất của các ngành chế tạo và khai mỏ), 1955.

4. Lược sử các chính sách Phi tập trung

Xem xét một cách tổng quát và ngắn gọn về chính sách Phi tập trung khác nhau. Trong chuyên đề này, sẽ không mô tả tỉ mỉ lịch sử từng loại biện pháp cụ thể đã được áp dụng, lịch trình thực tế các chính sách đó, những xu hướng độc quyền lợi, và

những tranh thủ nảy sinh trong quá trình thực hiện chính sách, thuộc về cách và lý do thay đổi chính sách đó. Các công trình nghiên cứu khác đã làm tốt vấn đề này, còn ở đây phạm vi lại rất hạn chế. Bởi vậy, ở đây chỉ giới hạn việc cung cấp một bảng niên đại tóm tắt của các chính sách Phi tập trung hoá, đưa ra những số liệu chọn lọc nhằm chứng minh hoặc gọi ra được tầm vóc của những ảnh hưởng chính sách, và chỉ đưa ra những giải thích cần thiết ở các phần sau.

Giữa thời kỳ bị chiếm đóng, đã có sự thay đổi căn bản và hoàn toàn các mục tiêu của chính sách chiếm đóng, phản ánh sự bắt đầu của cuộc Chiến tranh lạnh.

Ngày 15 tháng 8 năm 1945.	Kết thúc chiến tranh.
Tháng 3 năm 1947.	Học thuyết Truman được công bố.
Tháng 7 năm 1947.	Bắt đầu kế hoạch Marsall.
Ngày 28 tháng 4 năm 1952.	Kết thúc sự chiếm đóng.

Ảnh hưởng của những thay đổi trong chính sách đối ngoại của Mỹ đã được phản ánh rõ trong các chính sách chiếm đóng vào cuối năm 1947. Những mục tiêu cơ bản của các chính sách đóng trước cái gọi là “quá trình đảo ngược” này đã được trong “Những chỉ thị cơ bản cho chính phủ quân sự sau đầu hàng ở Nhật Bản” ngày 3-11-1945. Phần có tiêu đề “Dân chủ tổ chức kinh tế Nhật Bản” chỉ ra rằng chính phủ chiếm dưới quyền Tướng Mac Arthur sẽ “yêu cầu người Nhật phải thành lập một cơ quan công cộng chịu trách nhiệm tổ chức lại việc kinh doanh ở Nhật Bản... Ngài sẽ yêu cầu cơ quan này phải đệ trình, để ngài chuẩn y, các kế hoạch giải tán các tổ hợp công nghiệp và ngân hàng lớn của Nhật Bản hoặc những biện pháp tập trung khác chủ yếu khác kiểm soát hoạt động kinh doanh tư nhân”.

Sự thay đổi của các mục tiêu chính sách đã được phản ánh rõ ở những thay đổi trong các chính sách bồi thường chiến tranh, mà lúc đầu nhằm loại trừ vĩnh viễn năng lực sản xuất của Nhật Bản, cùng với việc bồi thường cho Philippin và các nơi khác.

Các chính sách bồi thường chiến tranh

- Ngày 6 tháng 12 năm 1945:

Chính sách bồi thường tạm thời - Báo cáo Pauley (Báo cáo của Phái đoàn Bồi thường chiến tranh Hoa Kỳ), đưa ra một Chương trình Bồi thường Trước mắt.

- Ngày 18 tháng 2 năm 1947:

Báo cáo về Bồi thường chiến tranh của Nhật Bản (Báo cáo về cuộc đình công thứ nhất), mà điểm thứ nhất của báo cáo này là “Ủy ban kiến nghị rằng chương trình bồi thường hiện nay trên phương diện loại bỏ các nhà máy cần được bãi bỏ”.

- Ngày 4 tháng 4 năm 1977:

“Chỉ thị tạm thời về việc chuyển khoản trước các khoản bồi thường chiến tranh của Nhật Bản”.

- Ngày 16 tháng 2 năm 1948:

Báo cáo về cuộc đình công thứ hai.

- Ngày 26 tháng 4 năm 1948:

Báo cáo về triển vọng kinh tế của Nhật Bản và Nam Triều Tiên: các biện pháp cần để cải thiện các nền kinh tế này - Báo cáo Johnston (Ủy ban này đôi khi được gọi là “Phái bộ Drape”). Báo cáo nêu rõ rằng “bây giờ Mỹ cần phải giúp cho Nhật Bản khôi phục lại... Theo ý kiến của chúng tôi thì có thể giữ lại công suất mà không tác động đối với năng suất có ích thời bình của Nhật Bản là không lớn. Vấn đề quan trọng nhất là loại bỏ tình trạng không ổn định hiện nay và giải quyết hoàn toàn vấn đề bồi thường”.

- Ngày 6 tháng 5 năm 1949:

Những kiến nghị của Hội đồng an ninh quốc gia về Chính sách của Mỹ đối với Nhật Bản, nêu rõ “Chính sách của Chính phủ Mỹ hiện nay là cần phải chấm dứt việc chuyển những khoản bồi thường chiến tranh theo chỉ thị đơn phương của Mỹ.

Bởi vậy, chính sách đối ngoại đang thay đổi của Mỹ mới chỉ được phản ánh dần dần trong các chính sách chiếm đóng của nó, giữa những xung đột sâu sắc về quan điểm giữa Washington và Tokyo.

Bây giờ chúng ta hãy trở lại với các chính sách Phi tập trung hoá.

Việc giải tán các Zaibatsu và Luật tập trung quá mức

- Ngày 6 tháng 11 năm 1945:

Theo “Những chỉ thị cơ bản”, một cơ quan công cộng chịu trách nhiệm tổ chức lại hoạt động kinh doanh ở Nhật Bản đã được yêu cầu thành lập.

- Ngày 3 năm 1946:

Báo cáo Edward (về chính sách đối với Zanbatsu) được công bố, đề nghị rằng “cần điều tra một cách có hệ thống các công ty lớn của Nhật Bản để đảm bảo rằng tất

cả các Zaibatsu đã được xác định và phải tuân thủ chương trình chấm dứt sức mạnh của các Zaibatsu”.

- Ngày 12 tháng 5 năm 1946:

Chính sách về việc Tập trung quá mức sức mạnh kinh tế ở Nhật Bản", có tên là FEC - 280 (Ủy ban Viễn Đông -230, Far Eastern Commission - 230), đã tuyên bố rằng “mục tiêu toàn diện của chính sách chiếm đóng trong việc đối phó với việc tập trung quá mức sức mạnh kinh tế ở Nhật Bản là loại bỏ tình trạng tập trung như hiện nay, và có thể xảy ra trong tương lai. Cần phải đặc biệt chú ý để tránh hành động vô ích phá huỷ một Zaibatsu này chỉ để lập ra một Zaibatsu khác, do đó cần phải thay đổi mạnh mẽ bản chất cũng như đặc điểm của các tập đoàn kiểm soát nền công nghiệp và tài chính của Nhật Bản”.

- Tháng 8 năm 1946:

Ủy ban phát mãi các công ty cổ phần tham dự đã được thành lập và bắt đầu hoạt động. Lúc đầu là bốn Zaibatsu lớn và Tập đoàn công nghiệp Fuji (Fuji Sangyo) sau đó số công ty trong danh sách đã chọn lên tới 83 vào tháng 7 năm 1947.

- Tháng 7 năm 1947:

Giải tán các Công ty thương mại - Công ty thương mại Mitsui và Công ty thương mại Mitsubishi.

- Ngày 6 tháng 9 năm 1947:

“Báo cáo Kauffman” (Báo cáo về thực trạng của Nhật Bản vào ngày 6 tháng 9 năm 1947), giới thiệu những nội dung của kế hoạch FEC - 230 đáng tin cậy lúc đó. Thực chất của báo cáo này đã đăng trên tờ Newsweek vào tháng 12 năm đó.

- Tháng 12 năm 1947:

Luật trừ tình trạng tập trung quá mức sức mạnh kinh tế được ban bố. Số công ty trong danh sách chọn lựa là 325 vào tháng 2 năm 1948.

- Ngày 6 tháng giêng năm 1948:

Royall, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ, đọc diễn văn: “Về chính sách của Mỹ đối với Nhật Bản”, ngầm cho thấy sự thay đổi của chính sách quá trình đảo ngược. Điều này được phản ánh trong Tuyên bố Mc.Coy tại cuộc họp của Ủy ban Viên động vào ngày 21 tháng giêng.

- Ngày 1 tháng 5 năm 1948:

Bắt đầu việc loại bỏ dần các công ty khỏi “Danh sách đã chọn lựa”.

- Ngày 4 tháng 5 năm 1948:

Ủy ban theo dõi Phi tập trung hoá đứng đầu là Roy S. Campell tới Nhật Bản. Bản báo cáo đầu tiên của nó đã được đệ trình lên Bộ Quốc phòng vào ngày 3 tháng 11.

Từ tháng 12 năm 1948 đến tháng giêng năm 1950:

Trong số 18 công ty vẫn còn trong Bản danh sách, 11 công ty được yêu cầu tổ chức lại.

Luật chống độc quyền và Luật Tổ chức lại và tái thiết các xí nghiệp

- Ngày 19 tháng 10 năm 1946:

Quốc hội Nhật Bản đã thông qua “Luật về những biện pháp đặc biệt đối với việc bồi thường thời chiến tranh (Senji Hosho Tokubetsu Sochi-ho) thực sự xoá hết các món nợ liên quan tới chiến tranh của chính phủ và đặt hầu hết các công ty lớn của Nhật Bản và tình trạng không trả nợ được hoặc gần như không trả được nợ. Đồng thời, để ngăn chặn các vụ phá sản, Luật tổ chức lại và tái thiết các tổ chức tài chính đã được ban hành.

- Tháng 7 năm 1947:

Luật chống độc quyền được ban hành. Mặc dù những điều luật này không thuộc các Chính sách Phi tập trung hoá, nhưng Bộ chỉ huy tối cao các lực lượng đồng minh đã bắt đầu sử dụng chúng và ngày 19 tháng 5 năm 1947 đã liệt kê danh sách “Những tiêu chuẩn Tổ chức lại kinh tế”. Người ta có kế hoạch tiếp tục thực hiện Luật tập trung quá mức, và có quan điểm cho rằng, sau khi loại các công ty ra khỏi “Danh sách lựa chọn” của mình một số thành viên của SCAP vẫn cố gắng buộc phải tiến hành tổ chức lại thêm nữa bằng cách sử dụng Luật Tổ chức lại và tái thiết các xí nghiệp. Và họ đã không thành công.

Trả lời đầy đủ câu hỏi về những hậu quả kinh tế của các Chính sách Phi tập trung hoá hầu như là không thể. Có thể thấy rõ, những kết quả cuối cùng là rất khiêm tốn so với mục tiêu ban đầu, hoặc so với qui mô của nền kinh tế⁵.

Hạ địa vị các công ty cổ phần tham dự	
Giải tán thẳng thừng	16
Giải tán cùng với tổ chức lại	26
Tổ chức lại mà không giải tán	11

Những công ty chưa bị đưng đến	30
Chương trình phân tán vốn cổ phần – các chương trình chống độc quyền và các chương trình khác	
Chống độc quyền	
Ủy ban phát mãi các công ty cổ phần tham dự (số tiền thu về từ phát mãi)	8,3 tỷ Yên
Ủy ban buôn bán công bằng (giá trị đã thanh toán hết)	1,3 tỷ Yên
Các chương trình khác	
Bộ tài chính (thuế đánh vào tiền vốn, số tiền phát mãi các tổ chức đã bị đóng cửa)	1,7 tỷ Yên
Ủy ban phát mãi các tổ chức đã bị đóng cửa (số tiền thu về từ việc bán tài sản)	3,1 tỷ Yên
Các chương trình nhân sự	
Thanh lọc kinh tế	1535 Ủy viên quản trị
Những người được các Zaibatsu bổ nhiệm	40
Tổng số	1575
Phá vỡ “Tình trạng tập trung quá mức”	
Các công ty đã chia tách	11
Các công ty mà ở đó chỉ có một vài nhà máy hoặc việc giữ cổ phần ở các công ty khác bị ảnh hưởng	7 (*)
Tổng số	18 (*)

Nguồn: Hadley, Eleanor M: Chống độc quyền ở Nhật Bản (nhà xuất bản Đại học Princeton)

* Hadley cho là có 8 và 19, nhưng con số tìm được chính xác là 7 và 18 trong Báo cáo Bộ tài chính Nhật Bản 1981, tr554-61

5. Việc đánh giá các ảnh hưởng kinh tế

Không thể dễ dàng tìm được những trường hợp mà ở đó các Chính sách Phi tập trung hoá được phác thảo ở trên có tác động trực tiếp và có thể xác định một cách rõ

ràng đối với các ngành công nghiệp máy móc. Về nguyên tắc, để cho các chính sách này có tác động tích cực đáng kể, cần phải tìm ra những thay đổi ở một trong những vấn đề sau đây:

Thứ nhất, các chính sách có làm tăng số các công ty trong mỗi ngành công nghiệp không? Nếu có thì việc gia tăng đó có tác dụng thúc đẩy thêm cạnh tranh không?

Thứ hai, các chính sách có giảm bớt được những trở ngại cho những người mới tham gia không? Nếu có, thì tác động làm tăng thêm sự cạnh tranh gay gắt không?

Thứ ba, các chính sách còn có bất kỳ ảnh hưởng nổi bật nhất có lợi cho cạnh tranh chẳng hạn trong tốc độ truyền bá nghệ thuật hoặc trong việc cung cấp các nguồn tài chính - không?

Thứ tư, ngoài tác động trực tiếp đến cơ cấu thị trường, những chính sách này có làm thay đổi những điều kiện cơ bản làm cơ sở cho các cấu trúc thị trường, chẳng hạn, bằng cách tăng nhu cầu hoặc bằng cách thay đổi chi phí của các nhân lượng không? Nói cách khác, chúng có thể tác động tới thái độ của các công ty trong các ngành công nghiệp này không?

Việc khảo sát nhanh chóng từng chính sách cho thấy không hề có một sự tác động tích cực đáng kể nào.

Việc giải tán các Zaibatsu

Những biện pháp được thực hiện nhân danh Luật giải tán các Zaibatsu, nói chung đã tập trung vào những mối quan hệ ngành, chú ý không phải vào các quan hệ trong nội bộ ngành. Ví dụ, việc giải tán các công ty cổ phần tham dự của tập đoàn "Zaibatsu", những thay đổi sau đó trong cơ cấu sở hữu cơ cổ phần, những thay đổi trong phương thức lựa chọn ban quản lý cấp cao và việc loại trừ các ban giám đốc đan chéo nhau, trên thực tế tất cả đều có đặc trưng này. Bởi vậy, Luật giải tán Zaibatsu đã không đóng góp được nhiều cho sự hình thành các thị trường có tính cạnh tranh trong các ngành công nghiệp này. Ngoại lệ duy nhất có thể nếu có, là việc cấm sử dụng 3 tên gọi của các Zaibatsu (Mitsui, Mitsubishi, Sumitomo) trong một giai đoạn ngắn, mà có thể đã làm giảm những lợi thế nhờ tiếng tăm của các công ty đã nổi tiếng từ lâu.

Luật loại trừ tình trạng tập trung quá mức sức mạnh kinh tế

Luật này tác động mạnh mẽ trong nhiều ngành công nghiệp, như công nghiệp thép, giấy và bột giấy, các công ty thương mại tổng hợp và công ty sản xuất bia. Tuy nhiên, trong các ngành công nghiệp máy móc, đóng tàu là ngoại lệ có thể duy nhất,

bởi vì với tư cách là một công ty lớn nhất, Tổ hợp công nghiệp nặng Mitsubishi (Mitsubishi Jukogyo), đã bị tách ra làm 3 công ty. Vì vậy Luật tập trung quá mức cũng không đóng góp được nhiều trong việc giúp đỡ cho sự hình thành các thị trường có tính cạnh tranh trong công nghiệp máy móc, có lẽ trừ ngành đóng tàu.

Luật tổ chức lại và tái thiết các doanh nghiệp

Việc thực hiện luật này với tư cách là một phần của các chính sách phi tập trung hoá, cũng có tác động hạn chế, như đã lưu ý ở trên, và sự tác động toàn diện cũng giống với tác động của Luật tập trung quá mức.

Cuộc thanh lọc kinh tế

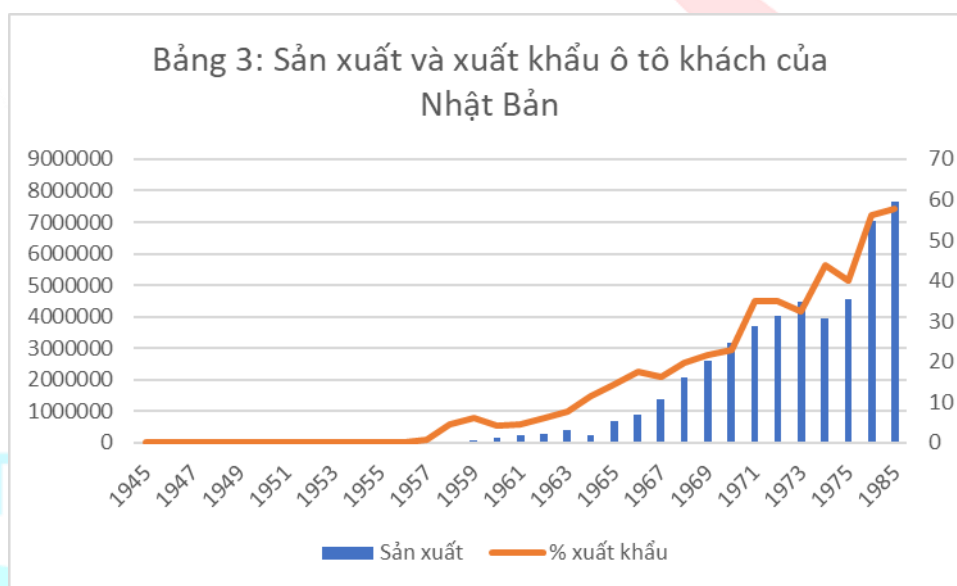
Cũng không dễ xác định và đánh giá được ảnh hưởng của những thay đổi trong ban quản lý cao cấp do việc Thanh lọc kinh tế gây ra. Nhiều người cho rằng cuộc Thanh lọc này đã làm giảm tuổi của các cán bộ quản lý và trẻ hoá ban quản lý của các đóng góp to lớn cho việc hình thành các thị trường tranh. Nhưng để làm cho lý lẽ này có sức thuyết phục, chúng phải loại bỏ nhiều trở ngại, như liệu số quan chức bị thanh lọc có đủ lớn để có thể gây được ảnh hưởng không, và liệu việc độ tuổi trung bình của ban quản lý cấp cao có làm cho các ty năng động hơn không. Nhận xét bước đầu của tôi ở đây cũng tiêu cực, vì số lượng các quan chức bị thanh lọc còn quá nhỏ.

Các nghiên cứu khác đã chỉ ra các ngành chế tạo máy tiêu dùng như máy khâu, máy ảnh và xe đạp, ngay từ đầu đều đặc trưng bằng nhiều công ty và sự cạnh tranh dữ dội. Ví dụ, có 50 nhà cung ứng đồng hồ để bàn và đeo tay vào tháng 4 năm 1949, 63 nhà cung ứng xe đạp vào tháng 8 năm 1950 và có 76 hãng sản xuất đầu máy khâu vào năm 1955. Tương tự như vậy, có 34 hãng sản xuất máy thu thanh vào năm 1946 và có 71 hãng vào năm 1948, dù cho vào năm 1945 đã giảm còn 26. Ngay cả lúc đó, vào năm 1954 một công ty chóp bu cũng chỉ còn chiếm có 31,6% thị trường và 3 công ty đứng đầu cũng chỉ chiếm được 84,8%. Cũng như vậy, có 30 hãng chế tạo TV đen trắng vào năm 1954 và phần thị trường của 10 công ty hàng đầu là 89,1%.

Trường hợp ngành đóng tàu có hơi khác. Hạn chế chủ yếu đối với các công ty đóng tàu vào cuối những năm 1940 là theo chính sách bồi thường, hầu hết khả năng sản xuất của chúng đều bị đe dọa phải chuyển ra khỏi Nhật Bản và tạm thời chúng bị cấm không được sử dụng các cơ sở này. Hơn nữa, việc tắc nghẽn về nguyên vật liệu, đặc biệt thép, là rất nghiêm trọng. Cuối cùng, các cơ sở của chúng đều không được sử dụng để bồi thường bằng hiện vật, và vào những năm 1950, khi thép đã sẵn có hơn, thì các hoạt động xuất khẩu đã tăng nhanh. Vào năm 1958, trên cơ sở sản phẩm, phần thị trường của công ty hàng đầu là 15,55%, của 3 công ty đứng đầu là 31,8%,

của 5 công ty đứng đầu là 66,7% và của 21 công ty đứng đầu là 81,5%. Phần cao nhất thuộc về một trong ba công ty được tách ra từ Tập đoàn công nghiệp nặng Mitsubishi, còn 2 công ty kia đứng vào hàng thứ 5 vào. Nhưng nếu như những phần của các “Mitsubishi” tách rời được kết hợp lại thì chúng lên tới 26,6%. Khi đó ba và năm công ty đứng đầu có thể chiếm tới 42,9% và 56,2%, mà vẫn không thể được xếp là một ngành công nghiệp tập trung cao. Từ năm 1956, các công ty đóng tàu Nhật Bản đã chiếm phần lớn nhất trên thị trường thế giới, và vào năm 1956 chiếm hơn 70% trọng tải thành phẩm xuất khẩu. Tuy nhiên, công nghiệp đóng tàu chỉ là trường hợp ngoại lệ duy nhất, mà ở đó những hiệu quả chính sách có lẽ là rất sâu sắc.

Về việc phát triển nổi bật của ngành sản xuất ô tô khách, mọi tiến triển to lớn đều bắt đầu vào giữa những năm 50, và chúng ta có thể thấy được lịch sử cạnh tranh năng động trên thị trường này, mà trong thời gian đó một vài công ty cũ chìm xuống và các công ty mới ra đời, như Honda, Mazda và Mitsubishi, lại giành được những thị trường lớn hơn. Tuy vậy, các chính sách Phi tập trung hoá đã không có được bất kỳ ảnh hưởng nào đối với ngành công nghiệp ô tô (Xem Bảng 3).



Nguồn: Nihon Jidosha Kogyokai (Hiệp hội các nhà chế tạo ô tô Nhật Bản). Jidosha Tokei Nempo.

6. Luật chống độc quyền

Ở Nhật Bản, Luật chống độc quyền đã được đưa ra vào năm 1947. Có nhiều quan điểm về vai trò của luật này. Để đạt được mục đích của bài viết này, chỉ cần nêu hai điểm sau đây là đủ.

Thứ nhất, như đã nêu ở trên, luật mới này hy vọng sẽ bổ sung cho các chính sách phi tập trung hoá và giữ vững các thành quả của chúng. Thí dụ, điều 9 cấm thành

lập các công ty cổ phần tham dự và điều 11 hạn chế lượng cổ phần do các tổ chức tài chính nắm giữ. Tuy nhiên, khía cạnh này của Luật đã không có ảnh hưởng đáng kể xét theo quan điểm của tôi, vì cùng những lý do như ở mục trước: nhiều lắm thì chúng cũng chỉ hạn chế được việc tập trung kinh doanh và không làm tăng được tính cạnh tranh.

Thứ hai, việc thực hiện Luật chống độc quyền, hoặc chính xác hơn, việc áp dụng từng điều khoản, nhằm khuyến khích sự cạnh tranh trong từng ngành công nghiệp. Tiêu biểu ở đây là phần cuối của điều 3, cấm lập các Cartel⁶. Tuy nhiên, việc thực hiện và hiệu lực của luật này tự nó không thúc đẩy được nhiều việc cạnh tranh, do nâng cao hoạt động công nghiệp, ít nhất trong 20 hoặc 30 năm đầu.

Phải mất một thời gian dài luật này mới được hầu hết người dân Nhật công nhận như là việc phán ánh một tiền đề cơ bản của nền kinh tế thị trường, và là một trong những công cụ quan trọng của chính sách kinh tế ở Nhật Bản. Ngay cả những người tin rằng luật này có một tác động to lớn, thì dịp đầu tiên khi nó thực sự có vẻ được sử dụng như một công cụ chính sách quan trọng là vào nửa đầu những năm 1960 trong cuộc đấu tranh chống lại “Giá cả được quản lý”, gắn với lạm phát ngửa phi. Thực vậy, thời kỳ trước đây đối với luật này đôi khi được gọi là “thời đại Mùa đông” (fuyuno-jidai), phản ánh hiệu lực yếu kém của nó. Chỉ sau khi đã trải qua những kinh nghiệm về quá trình lập các các teng trong khủng hoảng dầu mỏ lần thứ nhất và nhận lạm phát kèm theo vào năm 1973-1974, Nhật Bản mới thật sự thừa nhận tầm quan trọng của luật này và bắt đầu ủng hộ nó. Những kinh nghiệm này đã buộc chính phủ phải xem xét lại luật này vào năm 1977. Việc Làm hành chính với những công ty tham gia đã được thực thi nhằm khắc phục tình trạng, ở đó các Cartel không phải chịu một hình phạt đáng kể nào.

Do thực hiện Luật này, nên đã có một số thay đổi bên ngoài. Nhưng theo quan điểm của tôi những thay đổi đó không đáng kể và chỉ áp dụng trong một số ít trường hợp nhằm thay đổi thái độ của các công ty, các hình thức can thiệp của chính phủ vào công nghiệp, và sự hợp tác và các quan hệ qua chính phủ và công nghiệp. Những thay đổi đó đã không đem lại được những ảnh hưởng sâu sắc. Trong một số trường hợp những cố gắng kiềm chế các Cartel hoặc những hành động gần như các-ten thường được chính phủ ủng hộ, đã bị mất tác dụng cho hành động của những bộ phận khác trong chính phủ. Trường hợp tiêu biểu thuộc loại này là vào năm 1947, khi Cartel ngân hàng ấn định lãi suất cho vay và tiền gửi bị buộc tội vi phạm điều trong trường hợp kiểm tra đầu tiên việc thi hiện điều luật này. Phản ứng nhanh chóng của chính

phủ đã ban hành một luật mới nhằm tạm thời miễn giảm việc áp dụng điều khoản này trong khu vực tài chính. Điều chúng ta cần chỉ ra là sự cạnh tranh trong các ngành mà đang được xem kết vào những ngày đó là nghiêm khắc đến nỗi chính phủ đôi khi đáp lại những yêu cầu của phần lớn các công ty trong các ngành này đã cố gắng can thiệp nhằm hạn chế sự cạnh tranh trên thị trường. Cái gọi là “sự cạnh tranh quá mức” này, chắc chắn không phải là sản phẩm của Luật chống độc quyền. Như vậy, việc thi hành và hiệu lực của Luật chống độc quyền đã không có tác dụng lớn trong việc đẩy mạnh tính cạnh tranh trong ngành công nghiệp máy móc và bởi vậy không thể có hiệu quả đáng kể trong việc cải thiện hoạt động của các ngành này.

7. Những điểm còn lại

Về những ảnh hưởng của các chính sách kiểu giải tán Zaibatsu, cũng có thể suy luận tương tự cho các ngành công nghiệp khác được. Như với ngành máy móc, việc giải tán các cổ phần tham dự Zaibatsu, những thay đổi trong việc sở hữu cổ phần, việc phá vỡ các ban giám đốc đan chéo nhau và những thay đổi trong việc lựa chọn và vai trò của ban quản lý cao cấp đều có rất ít hoặc không có ảnh hưởng gì. Tóm lại, không chỉ đối với ngành công nghiệp máy móc mà ngay cả đối với toàn bộ nền kinh tế, Luật giải tán Zaibatsu và các chính sách có liên quan đều không có tác dụng nhiều lắm trong việc thúc đẩy cạnh tranh và cải tiến hoạt động công nghiệp.

Trong một số ngành công nghiệp như thép, giấy và bột giấy và kinh doanh xuất - nhập khẩu, các công ty hàng đầu (như Tổng công ty Thép Nhật Bản, Công ty giấy Oji và Công ty thương mại Mitsui và Công ty thương mại Mitsubishi) đều bị giải tán theo các chính sách Phi tập trung hoá. Nói chung người ta đều thừa nhận rằng việc giải tán đã trực tiếp tăng cường mạng mẽ trong các ngành này. Có thể khẳng định rằng, sự cạnh tranh đã được tăng cường này đã lan sang cả các ngành khác, và làm cho toàn bộ nền kinh tế Nhật Bản có tính cạnh tranh hơn. Ngay cả trong các ngành công nghiệp cụ thể này cũng không chứng minh được lời khẳng định này, và ít nhất là trong trường hợp ngành công nghiệp thép, bằng chứng lại cho thấy tác động là rất nhỏ. Trong trường hợp tốt nhất thì số lượng các ngành công nghiệp trực tiếp chịu ảnh hưởng của các chính sách Phi tập trung hoá cũng là rất nhỏ và đối với các ngành công nghiệp hay quan trọng còn không có, nên thật khó mà tin rằng chúng ta là một trong các nhân tố chính thúc đẩy cạnh tranh.

Tác động thứ hai của các chính sách Phi tập trung hoá là việc tách rời quyền sở hữu và quyền quản lý trong các công ty Nhật Bản. Một số người cho rằng các chính

sách này đã đẩy nhanh hơn xu hướng tích quyền quản lý ra khỏi quyền sở hữu trong các công ty Nhật Bản. Đó là một trong những nét đặc thù của các công ty Nhật Bản ngày nay, làm cho chúng rất có sức cạnh tranh và cho phép chúng theo đuổi những mục tiêu lâu dài và cần chú ý tới các vấn đề sau đây:

Thứ nhất, hầu hết các công ty lớn ngày nay, đặc biệt trong lĩnh vực chế tạo máy, cơ cấu quyền sở hữu hoặc các ban giám đốc đan chéo nhau không phải chịu tác động của việc giải tán các Zaibatsu.

Thứ hai, chúng ta không tìm được bằng chứng về việc quyền quản lý trong các công ty lớn không phải Zaibatsu bị tách khỏi quyền sở hữu ít hơn trong các công ty Zaibatsu trước đây. Bởi vậy có thể cho rằng ngay cả khi không có Luật giải tán Zaibatsu thì cơ cấu cổ phần tham dự và mức độ tách quyền sở hữu ra khỏi quyền quản lý cũng không khác nhiều lắm so với tình hình hiện nay.

8. Kết luận

Việc tạo dựng một môi trường công nghiệp cạnh tranh là một trong những động cơ chính của sự tăng trưởng kinh tế nhanh chóng của Nhật Bản, các Chính sách Phi tập trung hoá không giữ một vai trò quan trọng nào trong việc tăng cường tính cạnh tranh. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là các chính sách đó đã thất bại, những năng lực dành cho chúng là vô ích và không có một tác động nào.

Phần lớn những nghiên cứu trước đây đã không tìm cách xác định và đánh giá riêng các ảnh hưởng chính sách, không có sự đánh giá mang tính tổng kết kinh nghiệm cho các chính sách. Nhìn chung các cuộc cải cách sau chiến tranh đã có một sự tác động cách mạng, nhưng tác động này thực sự là tổng hợp của không chỉ những Cải cách kinh tế như Chính sách Phi tập trung hoá, Cải cách ruộng đất và Cải cách lao động, mà còn cả những thay đổi trong các lĩnh vực chính trị, văn hoá, giáo dục và chính sách kinh tế vĩ mô và thương mại. Và mặc dù một số nghiên cứu trước đây cố gắng phát hiện và cụ thể hoá những ảnh hưởng thực tế của các chính sách này, song lại không hề có bất kỳ một đánh giá nào về tầm quan trọng tương đối của chúng. Các chính sách Phi tập trung hoá trong trường hợp tốt nhất cũng chỉ là cách hỗ trợ cho các ngôi sao hoặc các khán giả biết thưởng thức, có tác dụng khích lệ các diễn viên chính.

Tài liệu tham khảo

- Hadley, Eleanor M. (1970) Chống độc quyền ở Nhật Bản (Princeton: Nhà xuất bản đại học Princeton).
- Iyori, Hiroshi (1986) “Chính sách chống độc quyền và công nghiệp ở Nhật Bản: Cạnh tranh và Hợp tác”, trong “Vấn đề luật pháp và thương mại của nền kinh tế Nhật Bản: Quan điểm của Mỹ và Nhật Bản”, do Gary Saxonhouse và Kozo Yamamura chủ biên (Washington, Nhà xuất bản đại học Washington).
- Kosai, Yutaka (1989) “Kodo - Seicho heno Shuppatsu” (Cát cánh tới Kỷ nguyên của sự tăng trưởng kinh tế cao), trong Nihon Keizai-shi (Lịch sử kinh tế Nhật Bản), do Takafusa Nakamura chủ biên (Tokyo: Iwanami Shoten).
- Masamura, Kimihiro (1985) Sengo-shi 1 (Lịch sử Nhật Bản sau chiến tranh, I) (Tokyo: Chikuma Shobo).
- Miyazaki, Yoshikazu (1976) Sengo Nihon no Kigyo Shudan (Các tập đoàn công nghiệp ở Nhật Bản sau chiến tranh (Tokyo: Nihon no Keizai Shinbun-sha).
- Miyazaki, Masayasu, Norio Tominaga, Osamu Itoh Isao Arai và Hideaki Miyajima (1982) “Senryo-kino Kigyo Saihensei (Việc tổ chức lại các công ty trong thời kỳ Chiếm đóng), trong Taikeiyo Senso (Chiến tranh Thái Bình Dương) do Kindai Nino” Kenkyu-kai chủ biên (Tokyo: Yamakawa Shuppan-sha).
- Miwa, Yoshiro (1988) “Sự phối hợp trong công nghiệp: Sản lượng, giá cả và đầu tư” trong Chính sách công nghiệp của Nhật tin, do Ryutarō Komiyama chủ biên (Tokyo Nhà xuất bản Viện Hàn lâm).
- Miwa, Yoshiro (1990) “Điểm sách của Saxonshouls và Yamagura chủ biên, Các vấn đề luật pháp và thương mại của nền kinh tế Nhật Bản”, Tạp chí kinh tế Nhật Bản và Quốc tế số 4, trang 93-5.
- Miwa Yoshiro (1990) Nihon no kigyo to Sangyo Soshiki (Chức công ty và tổ chức công nghiệp ở Nhật Bản) (Tokyo: Nhà xuất bản Đại học Tokyo).
- Miwa Yoshiro (1991) “Thương mại của Keiretsu và các mặt hàng nhập khẩu”, bản in tròn, Bài viết trình bày tại Hội thảo quốc tế lần thứ 8 do Viện nghiên cứu kinh tế của Cục kế hoạch kinh tế của Nhật Bản tổ chức về việc Mất cân đối Thương mại, Thương mại nội bộ ngành, và Keiratsu, vào ngày 22 và 23 tháng 1 tại Tokyo (Xem báo cáo tham luận của Trường đại học Tokyo, số 91-F-2).
- Okazaki, Tetsuji (1991) “Senji Keikaku Keizai to Kigyo” (các công ty trong nền kinh tế kế hoạch thời chiến) trong Gendai Nihon Shakai, vol, 4 Rekishiteki Zentei (Xã hội Nhật Bản hiện đại: Những sự kiện lịch sử) do Viện khoa học xã hội của Trường đại học Tokyo chủ biên (Tokyo, Nhà xuất bản Đại học Tokyo).
- Okura-sho (Bộ tài chính) chủ biên, (1981) Showa Zaisei-shi (Lịch sử tài chính Kỷ nguyên Chiêu hòa) tập 2 (Tokyo: Keizai Shinpo-sha)
- Sakisaka, Masao chủ biên (1960) Gendai Nihon SangyoKoza. V (Nghiên cứu Các ngành công nghiệp ở N. tập 5) (Tokyo: Iwanami Shoten).
- Tamaki, Akira (1976) "Sengo Kaibaku" (Nhữn chiến tranh) trong Gendai Nihon Keizai-shi I, do Tsuna biên (Tokyo Chikuma Shobo).
- Tsuruta, Toshimasa (1978) "Chusho-Kigyo Kansuru Jisshoteki Kenkyu" (Việc nghiên cứu kinh nghiệp các các-ten giữa các công ty nhỏ), Kokumin - Keizai các và 140.
- Tsusho Sangyo-sho (Bộ công nghiệp và mậu dịch quốc tế) (1958) Tsusho Hakusho (Giấy trắng của MITI).

- Uekusa, Masu (1979) “Senryo-ka no Kigyo Bunkatsu” (Giải tán các tập đoàn trong thời kỳ Chiếm đóng), trong Senryo-ki Nihon no Keizai to Seiji (Kinh tế và chính trị trong thời kỳ Chiếm đóng) do Takafusa Nakamura chủ biên (Tokyo: Nhà xuất bản Đại học tổng hợp Tokyo).

¹ Ví dụ, điều khoản 9, không cho phép thành lập các công lý cổ phần tham dự.

² Xin lưu ý rằng điều này đã được trình bày vào năm 1964 trong một trường hợp khác.

³ Masamura, 1985, trang 90

⁴ Các câu lạc bộ của các tổng giám đốc, Shacho-kai.

⁵ Trích dẫn bảng của Hadley (1970, tr 443) về tóm tắt những hành động chính sách.

⁶ Cartel là thoả thuận hợp tác chính thức về giá cả, sản lượng và những điều kiện khác giữa các doanh nghiệp trong thị trường thiếu quyền. Những thoả thuận như vậy làm giảm cạnh tranh và tạo ra sự hợp tác giữa các doanh nghiệp nhằm đạt được những mục tiêu như tối đa hoá lợi nhuận hay gây khó khăn cho sự gia nhập thị trường của các doanh nghiệp mới.



TTBD ĐBDC

